

Số: /BC-UBND

Quảng Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

Xã Quảng Phước, Huyện Quang Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Quảng Phước là xã đồng bằng chiêm trũng Ven phá Tam Giang nằm cuối hạ lưu sông Bồ, nằm về phía Đông Nam của huyện Quảng Điền, cách thành phố Huế 18 km về phía Bắc.

Phía Nam giáp xã Quảng Thọ,
Phía Bắc giáp xã Quảng Công,
Phía Đông giáp xã Quảng An,
Phía Tây giáp Thị Trấn Sịa.

Xã Quảng Phước có địa hình bằng phẳng là vùng thấp trũng nên hàng năm chịu nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra và ngập úng.

2. Địa hình

Phần này chỉ cần đưa ra thông tin: địa bàn của xã được chia ra làm mấy vùng:

- Vùng đồng bằng thấp trũng
- Vùng ven đầm phá Tam Giang

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24		Tăng 1,9 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	2.500- 2.700	10-11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Thủ Lễ 2	477	40	38	1.924	890	1034
2	Thủ Lễ 3	381	44	43	1.823	906	917
3	Khuông Phò	445	33	34	1.754	862	892
4	Mai Dương	167	33	37	1.236	624	612
5	Lâm Lý	165	16	17	718	364	354
6	H. Đồ- Phước Lập	230	15	17	1.159	717	442
	Tổng	1.865	181	186	8.614	4.363	4.251

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.269,13
1	Nhóm đất Nông nghiệp	690,07

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	468,82
1.1.1	Đất lúa nước	459,72
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	8,75
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	0,35
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	00
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	221,25
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	4,5
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	216,75
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	568,71
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	10,35
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	70%
	- Đất ở	30%

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

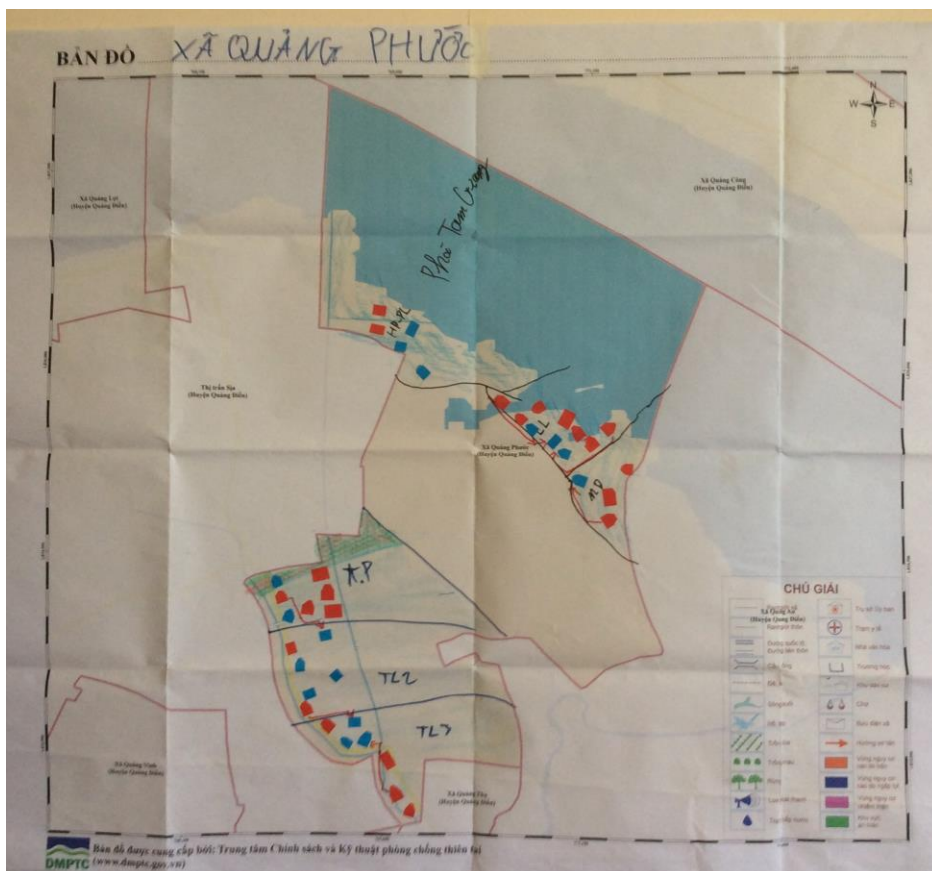
TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	43	2.032	1,3 tấn	50
2	Chăn nuôi	10	927	15 (triệu)	90

				VND/năm	
3	Nuôi trồng thủy sản	5	292	300kg	50
4	Đánh bắt hải sản	7	619	0,8 (tấn)	10
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	8	100	50 (triệu VND/năm)	10
6	Buôn bán	3	172	50 (triệu VND/năm)	95
7	Du lịch			(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	24	304	50(triệu VND/năm)	30

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH

(chèn hình ảnh sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH của xã)



2. Tóm tắt kết quả bản đồ Vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình – dựa vào so sánh giữa các thôn)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	<i>Bão</i>	Thủ Lễ 2	Cao	Giữ nguyên
		Thủ Lễ 3	Cao	Giữ nguyên
		Khuông Phò	Cao	Giữ nguyên
		Mai Dương	Cao	Giữ nguyên
		Lâm Lý	Cao	Giữ nguyên
		H. Đò- Phước Lập	Cao	Giữ nguyên
2	<i>Lũ lụt</i>	Thủ Lễ 2	Cao	Giữ nguyên
		Thủ Lễ 3	Cao	Giữ nguyên
		Khuông Phò	Cao	Giữ nguyên
		Mai Dương	Cao	Giữ nguyên
		Lâm Lý	Cao	Giữ nguyên
		H. Đò- Phước Lập	Cao	Giữ nguyên
3	<i>Rét</i>	Thủ Lễ 2	TB	Giữ nguyên
		Thủ Lễ 3	TB	Giữ nguyên
		Khuông Phò	TB	Giữ nguyên
		Lâm Lý	TB	Giữ nguyên
4	<i>Hạn</i>	Thủ Lễ 2	TB	Giảm đi
		Thủ Lễ 3	TB	Giảm đi
		TB	Giảm đi
		Lâm Lý	TB	Giảm đi

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng /năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
2009	Bão	Hà Đò-Phước Lập, Lâm Lý, Thủ Lễ 3	Số người bị thương:	1 nam
			Số nhà bị thiệt hại:	113
			Số trường học bị thiệt hại:	1
			Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	75%
			Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	58
2006	Bão	6 thôn	Số nhà bị thiệt hại:	40 %
			Số hoa màu bị thiệt hại:	10%
			Các thiệt hại khác...:	- 100% đê bao vùng thủy sản bị hư hại - 20% gia cầm bị chết
2012	Bão	Lâm Lý Thủ Lễ 2 Thủ Lễ 3	Số người bị thương:	3 nam
			Số nhà bị thiệt hại:	30
			Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	50%
2009	Lụt	Lâm Lý Hà Đò-Phước Lập Mai Dương Thủ Lễ 2 Thủ Lễ 3 Khuông Phò	Số nhà bị thiệt hại:	30
			Số km đường bị thiệt hại:	3
			Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	80%
			Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	64 ha
			Các thiệt hại khác...:	Trâu bò chết 2 con Heo trôi, chết 30% Gà vịt chết 80%
			Ước tính thiệt hại kinh tế:	
2017	Lụt	Lâm Lý Hà Đò-Phước Lập Mai Dương Thủ Lễ 2 Thủ Lễ 3 Khuông Phò	Số km đường bị thiệt hại:	4,5
			Số ha ruộng bị thiệt hại:	48,5
			Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	2
			Các thiệt hại khác...:	Heo trôi, chết 5% Gà vịt chết 30%

1/2013	Rét	6 thôn	1. Số ha ruộng bị thiệt hại:	92
2008	Hạn Nhiễm mặn	Lâm Lý Hà Đồ-Phước Lập Mai Dương	1. Số ha ruộng bị thiệt hại:	150

4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương													
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người nghèo		Người bị bệnh hiểm nghèo		
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	
	Thủ Lễ 2	12	29	157	320	2	68	128	8	18	22	40	2	7	
	Thủ Lễ 3	32	77	303	152	17	115	222	20	38	30	44	5	6	
	Khuông Phò	51	130	170	358	2	128	232	11	25	13	33	2	7	
	Mai Dương	28	58	221	460	15	46	97	2	10	63	132	4	10	
	Lâm Lý	13	24	31	61	6	6	14	3	5	7	16	2	5	
	H. Đồ- Phước Lập	38	80	123	260	15	63	135	5	11	36	75	2	5	
	Tổng cộng	174	398	1.005	1.611	57			49	107	171	340	17	40	

(*) Phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	18	TB	2014	TB
2	Trường học tiểu học	Phòng	48	Cao	2013	
3	Trường THCS	Phòng	22	TB	2012	
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	12	Cao	2014	Thấp
5	Đường điện	Km	21	TB	2006	TB
6	Đường giao thông	Km	34	TB	2017	TB

7	Trụ sở UBND	Phòng	18	Cao	2002	Thấp
8	Nhà văn hóa xã	Nhà	1	Cao	2016	Thấp
9	Nhà văn hóa thôn	Nhà	6	Thấp	2006	Cao
10	Chợ	Cái	1	Thấp	2008	Cao
11	Cầu khỉ	Cái	13	Thấp		Cao

Nhận xét: Tại cột số 5 của bảng, cho nhận xét chung về hiện trạng hạ tầng dịch vụ công cộng và mô tả những công trình yếu dẫn đến rủi ro thiên tai đối với công trình.

6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số nhà	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực nguy hiểm (ven sông/đầm phá)
	Thủ Lễ 2	472	175	286	10	1	56
	Thủ Lễ 3	328	29	258	41	0	84
	Khuông Phò	426	162	173	12	2	40
	Mai Dương	280	40	160	70	10	30
	Lâm Lý	167	46	114	4	3	20
	H. Đò- Phước Lập	190	32	81	73	4	45
	Tổng	1.863	484	1.072	210	20	275

Nhận xét: Nêu nhận xét về hiện trạng chung nhà ở của xã. Lập danh sách nhà tạm bợ, nằm trong diện 48 và nhà thuộc khu vực di dời. Ghi rõ nhận xét về mức độ chịu đựng cấp bão của từng loại nhà

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH²

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ có thai/ nuôi con, trẻ em, người già, người tàn tật sống ở vùng rủi ro cao trong từng loại nhà
1	<i>Nhà tạm bợ</i>	7	13	17
2	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	42	168	58
3	<i>Nhà bán kiên cố</i>	173	899	190
4	<i>Nhà kiên cố</i>	53	431	88
	Tổng số	275	1.511	353

(*) Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ rủi ro thiên tai, khí hậu

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng g	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Khôn g có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Thủ Lễ 2	472	7	11	Nước máy			320	2		Thấp
Thủ Lễ 3	328			Nước máy			326	2		Thấp
Khuông Phò	371		4	Nước máy			365	6		Thấp
Mai Dương	280	3	5	Nước máy			220		12	Thấp
Lâm Lý	167	2	20	Nước máy	10	TB	152	6	5	Thấp
H. Đồ-Phước Lập	190			Nước máy			185		5	Thấp
Tổng	1.808	12	40		10		1.568	16	22	

² Phục vụ dự án GCF

9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	<i>Viêm đường hô hấp</i>	25 người 2017	30 người 2017	25 người 2017	10 người 2017	
	<i>Tay chân miệng</i>					
	<i>Bệnh ngoài da</i>	3 người 2017	5 người 2017	7 người 2017	2 người 2017	

10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
	Thủ Lễ 2	Cao	Thấp
	Thủ Lễ 3	Cao	Thấp
	Khuông Phò	Cao	Thấp
	Lâm Lý	Cao	Trung bình
	Mai Dương	TB	Cao
	Hà Đò- Phước Lập	TB	Cao

11. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	2.032	1,3 tấn	TB	TB
2	Chăn nuôi	927	15 (triệu VND/năm)	TB	Cao

3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	292	300kg	TB	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	619	0,8 (tấn)	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	100	50 (triệu VND/năm)	TB	TB
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	172	50 (triệu VND/năm)	TB	TB
7	Du lịch		(triệu VND/năm)		
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	304	50(triệu VND/năm)	TB	TB

Nhận xét: Trong phần nhận xét cần đưa ra giải thích vì sao cho cột số 5 và số 6 ở những ngành nghề và vùng có nguy cơ cao.

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	60
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	16
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	60
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	6

Nhận xét chung: Các thông tin cảnh báo bão, lụt được chuyển tải đến người dân qua hệ thống loa truyền thanh của xã. Các thông tin chỉ đọc theo các công điện của cấp trên gửi về chưa

viết lại thành một bản tin, do cán bộ văn hóa xã chưa được tập huấn kỹ thuật viết thông tin cảnh báo thiên tai

15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	6
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	2
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	32
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	7
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	20 Trong đó nữ 4
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chủ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	30
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	0
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	6
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	2 tuyên truyền viên
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	5
	- Áo phao	Chiếc	56
	- Loa	Chiếc	7
	- Đèn pin	Chiếc	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Lều bạt	Chiếc	
	- Xe vận tải	Chiếc	3
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		

	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1
10	Khác....		

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ lụt	6 thôn	Giữ nguyên	10 km nương thủy lợi đắp bằng đất	TB	Hư hại Cao
	6 thôn	Giữ nguyên	4,8 km đường còn là đường đất	TB	Hư hại TB
	6 thôn	Tăng	13 cầu khi dễ bị hư hại	Thấp	Hư hại Cao
Bão		Tăng	12 phòng học chưa được kiên cố	Cao	Hư hại Cao
		Tăng	3 phòng trực của Xã Đội chưa được kiên cố	Cao	Hư hại Cao
		Tăng	Các dãy nhà ở chợ chưa được kiên cố	TB	Hư hại Cao

Giải thích: Cột 5 nói khả năng kiến thức, tiếp cận công nghệ của người dân trong việc phòng chống thiên tai là Cao, trung bình hay thấp.

Nhận xét: Trong phần nhận xét này, cần đưa ra mô tả cụ thể từng công trình dễ bị tổn thương thế nào. Điểm mạnh, điểm yếu trong kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp cận công nghệ của người dân trong phòng chống thiên tai.

Nêu rõ các rủi ro thiên tai là gì?

Các công trình này có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ không, có đủ ánh sáng và nước không, có thuận tiện cho người khuyết tật không... (theo tiêu chuẩn Sphere)

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	6 thôn	Giữ nguyên	230 nhà chưa kiên cố và đơn sơ	TB	Sập/tóc mái nhà Cao
Lũ lụt	6 thôn	Giữ nguyên	190 nhà ở ven sông và đầm phá	TB	Ngập sâu/hư hại nhà Cao

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Số hộ có nhà vệ sinh KHÔNG hợp vệ sinh	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Lũ lụt	Khuông Phò			6	TB	Thấp
	Lâm Lý			6	TB	Thấp

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. <i>Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.</i>)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ lụt	6 thôn	Giảm	Môi trường ô nhiễm	Cao	Thấp

Nhận xét TTDBTT và Kỹ năng công nghệ áp dụng để PCTT và TUBĐKH chi tiết ở các hạng mục sau: Cơ sở hạ tầng, thông tin về tình trạng trang thiết bị và chuyên môn y tế, số bác sĩ và y tá có chuyên môn về các bệnh phụ khoa, bà đỡ, thuốc chữa bệnh thông thường, cơ sở thuốc dự trữ cho tình huống khẩn cấp; các hoạt động tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe ban đầu, giữ gìn vệ sinh.

5. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. <i>Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.</i>)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và nữ	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lụt	6 thôn	Giảm	Ở trong vùng ngập lụt	Cao	Thấp

Nhận xét thêm về cột 5: các tài liệu đào tạo có nội dung PCTT và ứng phó với BĐKH không? Có hướng dẫn cụ thể cho học sinh nam, nữ không? Có những tài liệu hoặc hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng nào? Có nhạy cảm giới không?

Trong trường học không có tài liệu đào tạo có nội dung về PCTT và BĐKH. Không có nhạy cảm giới.

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Nhận xét cột 5: Ai có những kỹ năng, công nghệ này? Phụ nữ có tham gia các hoạt động trồng và bảo vệ rừng không? Họ có được cung cấp những kỹ năng và công nghệ kỹ thuật đó không?

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ lụt	HTX Đông Phước HTX Mai Phước	Giữ nguyên	124 ha ruộng lúa ở trong vùng ngập úng	TB	TB
		Giữ nguyên	10 ha đất trồng màu trong vùng ngập úng	TB	Cao
Xâm nhập mặn	HTX Mai Phước	Giữ nguyên	43 ha đất trồng lúa trong vùng thường bị xâm nhập mặn	TB	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Các loại bệnh, dịch có thể xảy ra khi có thiên tai hoặc tác động của BĐKH

Cột 5: Ai có những kỹ năng, công nghệ này? Phụ nữ có tham gia các hoạt động trồng trọt nào? Họ có được tập huấn và cung cấp những kỹ năng và công nghệ kỹ thuật đó không? Có hoạt động nào nâng cao năng lực, bao gồm kỹ năng lãnh đạo cho nữ không?

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỬBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ lụt	6 thôn	Giữ nguyên	95% hộ chăn nuôi gia súc gia cầm đều ở trong vùng ngập lụt, chăn nuôi thả, chuồng trại ít bảo đảm	TB	Thiệt hại gia súc, gia cầm Cao

Nhận xét:

Cột 4: Các loại bệnh, dịch có thể xảy ra khi có thiên tai hoặc tác động của BĐKH? Ai là người chăm sóc vật nuôi? Họ có kiến thức, kinh nghiệm gì?

Cột 5: Ai có những kỹ năng, công nghệ này? Phụ nữ có tham gia các hoạt động chăn nuôi nào? Họ có được tập huấn và cung cấp những kỹ năng và công nghệ kỹ thuật đó không? Có hoạt động nào nâng cao năng lực, bao gồm kỹ năng lãnh đạo cho nữ không?

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỬBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Lũ lụt	Mai Dương Lâm Lý Hà Đò- Phước Lập	Tăng	221,25 ha nuôi trồng thủy sản đều ở trong vùng ngập sâu, mặt hồ thấp	TB	Thủy sản chết Cao
Nhiễm ngọt	Mai Dương Lâm Lý Hà Đò- Phước Lập	Tăng	221,25 ha nuôi trồng thủy sản đều ở trong vùng mưa làm ngọt hóa nước	Người dân thiếu kiến thức nuôi, thiếu phương tiện như máy sục khí.... Thấp	Thủy sản chết Cao

Nhận xét: 40% phụ nữ tham gia vào nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tình trạng dễ bị tổn thương của nữ nhiều hơn, vì dễ bị các bệnh phụ khoa do phải dầm mình trong nước. Hằng năm đều có các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và tỷ lệ nữ tham tập huấn ít hơn nam khoảng 30% nữ tham gia

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

Loại hình Thiên tai, BDKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Nhận xét:

Cột 4: Có sự khác biệt nào trong TTDBTT của nam và nữ?

Cột 5: Ai có những kỹ năng, công nghệ này? Phụ nữ có được tập huấn và cung cấp những kỹ năng và công nghệ kỹ thuật đó không? Có hoạt động nào nâng cao năng lực, bao gồm kỹ năng lãnh đạo cho nữ không?

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	6 thôn	Giữ nguyên	70% số hộ buôn bán và dịch vụ có cơ sở bán kiên cố	TB	TB
Lũ lụt	6 thôn	Giữ nguyên	60% số hộ buôn bán và dịch vụ có cơ sở ở trong vùng ngập lụt, nhà thấp	Thấp	TB

Nhận xét:

Các hoạt động buôn bán phần lớn do phụ nữ phụ trách, do thời gian phải buôn bán nên họ ít tham gia vào các lớp tập huấn về phòng chống thiên tai, họ ít tiếp cận với các kỹ năng, công nghệ áp dụng PCTT

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu? và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	6 thôn	Giữ nguyên	40% người dân chưa thể tiếp cận với các thông tin cảnh báo do hệ thống truyền thanh xuống cấp	TB	Cao

Nhận xét:

Đài truyền thanh xã chưa thể phủ khắp các thôn, do đó 40% người dân không nghe được thông tin cảnh báo. Đặc biệt khi có bão, điện mất, các loa truyền thanh không dây không có điện sẽ không hoạt động được, nên người dân không thể nhận được các thông tin cảnh báo của địa phương.

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão:					

Lực lượng phòng chống - ứng phó	BCH 32 người LLCH xã 30 Mỗi thôn 10	Giảm	20 Phụ nữ trong BCH, tham gia tập huấn về PCTT	Cao	Thấp
Trang thiết bị, phương tiện, vật tư.			Ở thôn thiếu các trang thiết bị	Cao	Thấp
Lụt					
Lực lượng phòng chống - ứng phó	BCH 32 người LLCH xã 30 Mỗi thôn 10	Giảm	20 Phụ nữ trong BCH, tham gia tập huấn về PCTT	Cao	Thấp
Trang thiết bị, phương tiện, vật tư.			Ở thôn thiếu các trang thiết bị	Cao	Thấp

Nhận xét: BCH PCTT &TKCN xã đã được tập huấn về PCTT, trong 10 năm qua xã đã có 2 lần diễn tập PCTT. Phụ nữ có 7 người tham gia BCH PCTT xã, có vai trò lãnh đạo, có kỹ năng, kiến thức về PCTT.

14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTĐBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Lúa chết	Ruộng lúa ở trong vùng thấp trũng Ruộng lúa ở vùng đất hay bị nhiễm mặn	Hệ thống thủy lợi kém, Đất bị nhiễm mặn do hạn nhiều	- Nâng cấp đê điều, cải tạo hệ thống thủy lợi, - Cải tạo đất - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Thay đổi loại giống
2	Lợn trôi, chết	Trang trại thấp không kiên cố, nằm trong vùng thấp trũng	Người dân còn chủ quan,	Nâng cấp chuồng trại cao, kiên cố bảo đảm. Nâng cao nhận thức
3	Gà, vịt trôi/chết	Chuồng trại, chăn thả tại vùng thấp trũng	Chuồng thấp, nuôi thả rộng, chuồng chưa kiên cố	Thay đổi hình thức chăn nuôi Nâng cấp chuồng trại
4	Nhà tốc mái	Nhà tạm, nhà không kiên cố	Chủ quan, không chằng chống nhà cửa khi có bão. Không biết cách chằng chống. Không có nhân lực	Kiên cố nhà của Chằng chống nhà cửa Nâng cao nhận thức Hỗ trợ nguồn lực Hỗ trợ kỹ thuật
5	Hoa màu chết	Nằm trong vùng thấp trũng, đê bao chưa đảm bảo	Chưa có hệ thống chống úng	- Nâng cấp đê điều, cải tạo hệ thống thủy lợi, - Thay đổi cơ cấu sản xuất, - Thu hoạch sớm
6	Tôm/ cua/ cá chết	Nằm trong vùng thấp trũng, đê điều chưa đảm bảo Ở trong vùng tác động của mưa nên bị nhiễm ngọt, mưa a xit	Chưa nắm bắt KHKT nuôi, Bị mưa axit, ngọt hóa Thiếu các phương tiện khoa học kỹ thuật	Xử lý ao đảm bảo nước lúc xuống vụ. Nâng cao kiến thức, kỹ thuật nuôi trồng cho người dân Nâng cấp đê, giồng, lưới mùng trên đê Trang bị các phương tiện chăn nuôi
7	Đường xá hỏng hóc	Do nằm trong vùng thấp trũng, đường xá	Một số đoạn đường đã xuống	Bê tông hóa đường

		lầy lội nhiều	cấp, không được đầu tư duy tu sửa chữa đường xá	
8	Thiệt hại về người	Vùng thấp trũng, ven sông.	Người dân còn chủ quan. Thiếu trang thiết bị phòng chống Thiếu thông tin do hệ thống truyền thanh kém Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	Nâng cao nhận thức cho người dân. Hỗ trợ vật chất và kỹ thuật phòng chống thiên tai cho người dân Nâng cấp hệ thống truyền thanh Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ
9	Thuyền ghe hỏng	Ở khu vực thường xuyên chịu tác động của bão	Chưa có âu thuyền tránh bão Một số người dân còn chủ quan do mưu sinh trong mùa mưa bão cao	Xây dựng các âu thuyền để bà con trú bão an toàn. Nâng cao nhận thức

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương - Bê tông hóa đường	Các thôn, người sản xuất nông nghiệp	Kêu gọi đầu tư kiên cố hóa kênh mương		X	Nhà nước
		Các thôn	Kêu gọi đầu tư nhà nước và nhân dân cùng làm	X		Nhà nước và nhân dân
	- Cứng hóa cầu khi trên các kênh mương	Mai Dương, Lâm Lý, Thủ Lễ 2	Kêu gọi đầu tư xây dựng 13 cầu nhỏ qua		X	Nhà nước

	nội đồng Xây dựng công thoát nước	Thủ Lễ 3 Khuông Phò Thủ Lễ	các kênh mương nội đồng Kêu gọi đầu tư xây dựng công thoát nước từ Khuông Phò ra đập Thủ Lễ		X	Nhà nước
Nhà ở	- Kiên cố nhà cửa - Hỗ trợ nguồn lực, kỹ thuật giúp dân chằng chống nhà cửa an toàn - Nâng cao nhận thức	Người dân ở các thôn	Vận động nhân dân xây dựng nhà của kiên cố Tổ chức lực lượng giúp đỡ nhân dân chằng chống nhà cửa Tập huấn/ tuyên truyền	X X	X	Nhân dân Các Tổ chức, đoàn thể Các Tổ chức, đoàn thể
Trồng trọt	- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Cải tạo đất	Người dân ở các thôn	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở vùng đất bị nhiễm mặn Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thau chua, rửa mặn	X X		HTX Nhân dân
Chăn nuôi	Nâng cấp chuồng trại Thay đổi hình thức chăn nuôi Nâng cao nhận thức	Người dân ở các thôn	Vận động người chăn nuôi xây dựng, nâng cấp chuồng trại cao, an toàn Tuyên truyền vận động người dân thay đổi hình thức	X X		Nhân dân Nhân dân

			chăn nuôi từ nuôi thả rong sang nhốt chuồng			
Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kiến thức, kỹ thuật nuôi trồng cho người dân - Xử lý ao đầm bảo nước lúc xuống vụ - Trang bị các phương tiện chăn nuôi <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng âu thuyền 	<p>Người nuôi trồng thủy sản ở các thôn Mai Dương, Lâm Lý, Hà Đò-Phước Lập</p> <p>Người đánh cá Hà Đò-Phước Lập Lâm Lý Mai Dương</p>	<p>Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Hướng dẫn người nuôi xử lý ao hồ sạch trước khi thả giống mới</p> <p>- Vận động người nuôi mua sắm các trang thiết bị nuôi thủy sản</p> <p>Kêu gọi đầu tư xây dựng âu thuyền tại công Uất Mậu</p>	X		Nhà nước
				X		Nhân dân
				X		Nhân dân
					X	Nhà nước Dự án
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	<p>Củng cố hệ thống truyền thanh</p> <p>Hỗ trợ loa cầm tay</p>	Người dân 6 thôn	<p>Nâng cấp hệ thống truyền thanh xã phủ sóng đến 100% người dân</p> <p>Hỗ trợ loa cầm tay có công suất lớn cho các thôn</p>		X	Nhà nước Dự án
				X		Dự án
Phòng chống thiên tai và TUBDKH	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ thôn, xã - Nâng cao nhận thức về thiên tai cho người dân 	<p>Lực lượng cứu hộ</p> <p>Người dân</p>	<p>Tập huấn về Cứu hộ- sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ cứu nạn xã, thôn</p> <p>Tập huấn, tuyên truyền về PCTT cho người dân, học sinh</p>	X		Nhà nước Các tổ chức
				X		Các tổ chức
						Nhà nước

	- Hỗ trợ thuyền máy cho xã, thôn - Xây dựng địa điểm trú ẩn an toàn	Các BCH PCTT xã, thôn Người dân Hà Đò-Phước Lập Lâm Lý Mai Dương	Kêu gọi các tổ chức, dự án hỗ trợ thuyền máy cho xã, thôn để sơ tán dân khi lũ lụt Kêu gọi đầu tư 3 nhà tránh trú bão cho người dân	X		Dự án Các tổ chức Dự án
Khác	Xây dựng cọc tiêu và mốc cảnh báo mực nước	Các thôn	Kêu gọi hỗ trợ xây dựng các cọc tiêu hai bên đường để cảnh báo mực nước cho người đi biết	X		Dự án

Đề xuất của địa phương đối với Dự án GCF:

1. Hỗ trợ thuyền cứu hộ cho xã và các thôn để ứng phó khi lũ lụt xảy ra
2. Hỗ trợ xây dựng các cọc tiêu, mốc cảnh báo hai bên đường để giảm rủi ro cho người dân khi đi lại trên các tuyến đường khi có lũ lụt
3. Hỗ trợ xây dựng hệ thống thoát nước từ thôn Khuông Phò ra đập Thủ Lễ để thoát nước vào mùa mưa.
4. Hỗ trợ xây dựng âu thuyền tránh bão cho ngư dân ở cống Uất Mậu
5. Hỗ trợ xây dựng các cầu kiên cố qua các nương nội đồng giảm nhẹ thiệt hại cho dân
6. Hỗ trợ nâng cấp hệ thống truyền thanh, trang bị loa cầm tay cảnh báo cho các thôn
7. Hỗ trợ xóa nhà đơn sơ cho người nghèo
8. Hỗ trợ xây dựng 3 nhà tránh bão cho người dân ở 3 thôn ven đầm phá

Nơi nhận:

- BTV Đảng uỷ;
- TT. HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- BCH, PCTT&TKCN xã;
- UB Mặt trận
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hiền

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1	Phan Lương Thảo	UBND xã	0934844246
2	Ngô Văn Hoàn	UBND xã	0972163246
3	Hồ Đăng Xuân	UBND xã	01698866710
4	Ngô Văn Duy	UBND xã	01668987897
5	Nguyễn Văn Tý	Trưởng thôn Hà Đò-Phước Lập	01656894314
6	Hoàng Loan	Trưởng thôn Lâm Lý	0935509365
7	Phan Thông	Trưởng thôn Thủ Lễ 3	01282775062
8	Nguyễn Hội	Trưởng thôn Khuông Phò	01648765503
9	Nguyễn Khôi	Trưởng thôn Mai Dương	01695063303
10	Phan Văn Chương	Trưởng thôn Thủ Lễ 2	0934098159

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá

LỊCH SỬ THIÊN TAI XÃ QUẢNG PHƯỚC

Năm tháng	Thiên tai	Đặc điểm Xu hướng	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Nguyên nhân thiệt hại	Đã làm gì để phòng chống
10/2017	Bão	Vừa	Toàn xã	Nhà tốc mái ở cả 30 cái	Không chằng chống hoặc gia cố sơ sài, nhà tạm thiếu kiên cố	Gia cố nhà cửa trước khi bão tới
10/2013	Bão	Gió giật mạnh	Vùng ven phá	Cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản bị hư hại trên 50%	-Nước biển dâng, sóng lớn -Hệ thống đê bao nuôi trồng yếu -Một bộ phận người dân chủ quan	-Thông tin đến tận mọi người dân -Di dời dân đến nơi an toàn -Chằng chống nhà cửa
2009	Bão	Mạnh kèm theo lũ lớn	Toàn xã	Nhà tốc mái 40% Thiệt hại hoa màu 90% Sạt lở đất Đất NN bị bồi lấp	-Nhà tạm bợ nhiều -Một số người dân chủ quan không chằng chống nhà cửa	-Thông tin liên lạc kịp thời -Người dân tương trợ lẫn nhau
2006	Bão	Mạnh và kèm theo lũ lớn Xảy ra vào ban đêm	Toàn xã	-Nhà bị tốc mái, bị sập 30% -Thiệt hại hoa màu 80% -Sạc lở và bị bồi lấp	-Đa số nhà còn tạm bợ -Hệ thống thông tin còn thiếu	-Có sự hỗ trợ của chính quyền các cấp -Người dân phát huy nội lực và giúp đỡ lẫn nhau
1985	Bão	Mạnh, bất ngờ, kèm theo triều cường	Toàn xã	- 76 người chết - 40% nhà dân bị sập - 80% nhà bị tốc mái - Gia súc, gia cầm bị chết.. - Lúa bị úớt 150 tấn.	-Nhà chưa kiên cố nhiều - Một số hộ gia đình sống trên đằm phá, trên thuyền nên gió bão làm chìm thuyền. -Thiếu thông tin liên lạc,	-Cộng đồng dân cư tự khắc phục và giúp đỡ lẫn nhau - Sơ tán đến các nhà kiên cố

					<p>chưa có ai cảnh báo.</p> <p>-Chưa có kinh nghiệm nhiều trong chỉ đạo phòng ngừa.</p> <p>-Ý thức của người dân về PCTT còn hạn chế</p>	
10/2017	Lụt	Lớn	Toàn xã	<p>Hoa màu chết : TL3 0.5 ha, TL2 5 ha, Khuông phò 3 ha.</p> <p>Vịt trôi TL3 1200 con TL2 bị mất 10 tấn xi măng.</p> <p>Lúa ướt 10 tấn ở Thủ Lễ 2 Nhà ngập lụt 45%.</p> <p>Đê điều hư hỏng. Tại Khuông Phò 200m đê bị hư hại. Ruộng bị bồi lấp 5 ha</p> <p>Thủ Lễ 2 bị bồi lấp 2 ha</p>	<p>Ở vùng thấp trũng, hệ thống mương thoát nước không đảm bảo, tốc độ tháo nước chậm</p> <p>Chuồng vịt thấp, thả rộng. Nằm tại vùng thấp trũng và không vận chuyển xi măng kịp</p>	Nâng cấp đê bao, thu hoạch sớm, di chuyển lên cao
2015	Lụt,	Mưa lớn, kết hợp đợt xả lũ	Toàn xã	110 ha lúa bị ngập úng thiệt hại từ 70 – 100%;	Hệ thống đê bao thấp trũng, chưa có biện pháp phòng chống rét đậm, rét hại và nắng nóng.	-Cộng đồng dân cư tự khắc phục và giúp đỡ lẫn nhau
10/2014	Lụt	Mưa lớn, kết hợp thủy triều dâng	Toàn xã	40 nhà ngập lụt; 30,5 ha phải gieo sạ lại, hoa màu bị hư hỏng, các trộ nò sáo, ao hồ bị hư hại, kênh mương nội đồng bị sặc lờ	<p>- Nước dâng nhanh bất ngờ</p> <p>- Một số hộ còn chủ quan không chuẩn bị phòng, chống</p>	-Cộng đồng dân cư tự khắc phục và giúp đỡ lẫn nhau

10/2004	Lụt	Mưa lớn, kết hợp thủy triều dâng	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Gia cầm chết 70% - Gia súc chết 10% - Thóc ướt 115 tấn - Đê kè, giao thông, bờ bao, bờ vùng nội đồng sạt lở, ruộng bồi lấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước dâng nhanh bất ngờ - Số nhà tạm bợ trong xã còn nhiều - Nhận thức người dân chưa cao - Hệ thống đê kè kiên cố chỉ đạt 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động di dời dân từ vùng thấp lên vùng cao - Người dân chằng chống nhà cửa
11/1999	Lụt (lịch sử)	Nước lũ từ thường nguồn đổ về rất nhanh và lên cao 1,5-3m; kết hợp mưa to và triều cường gây lũ kéo dài từ 7 -10 ngày	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - 2 người chết - 102 nhà bị sập - 5 nhà trôi - 180 nhà siêu vẹo - Trụ sở UBND xã bị sập - Tỉnh lộ 4B bị nứt vỡ - 85% gia súc, gia cầm bị cuốn trôi 30% diện tích đất NN bị bồi lấp, đê đập sạt lở. - Nhiều công trình cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường trạm bị hư hỏng nặng. - Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng 	<ul style="list-style-type: none"> - Do nước lên quá nhanh, vào ban đêm - Địa bàn ở khu vực hạ lưu sông bồi, khu vực thấp trũng. - Vỡ tuyến đường Tỉnh lộ 4B làm nước tràn vào khu vực nội đồng nhanh. - Nhiều nhà tạm, nhà không kiên cố. - Chuồng trại của các hộ chăn nuôi yếu, không đảm bảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã (Ban PCLB xã) đã tổ chức di dời các khu vực vùng trũng nguy hiểm đến nơi an toàn. - Cấp phát lương thực, thực phẩm thuốc uống kịp thời - Người dân có tinh thần hỗ trợ lẫn nhau - Chủ động phối hợp làm vệ sinh sau lũ, xử lý nguồn nước ăn uống
1/2018	Rét hại	Khá lớn	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> Lúa và hoa màu bị ảnh hưởng 13,5 ha Hoa màu kém phát triển 6 ha Trâu chết 2 con bò chết 3 con (KP) 	Rét hại kéo dài , người dân chưa có các biện pháp để chống rét	Tăng cường giữ ấm
					-Thiếu kiến thức về chống	-Có sự chỉ đạo ,hỗ trợ

1/2013	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp, kéo dài kết hợp mưa phùn	Toàn xã	Lúa chết, gieo sạ lại 20%DT Vật nuôi chết, chậm lớn thiệt hại kinh tế	rét -Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo -Bệnh về đường hô hấp đối với người già và trẻ em -Tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ, thả rong	kỹ thuật, chăm sóc cây trồng vật nuôi của phòng nông nghiệp -Che chắn chuồng trại bón tro bếp, bơm giữ nước trong chân ruộng Chủ động giống để gieo sạ lại một số diện tích
1/2007	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp, kéo dài kết hợp mưa phùn	Toàn xã	-Lúa chết, gieo sạ lại Vật nuôi chết, chậm lớn thiệt hại kinh tế hộ	- Thiếu kiến thức về chống rét Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo. - Bệnh về đường hô hấp đối với người già và trẻ em	- Có sự chỉ đạo ,hỗ trợ kỹ thuật, chăm sóc cây trồng vật nuôi của phòng nông nghiệp - Che chắn chuồng trại bón tro bếp, bơm giữ nước trong chân ruộng - Chủ động giống để gieo sạ lại một số diện tích
2008	Hạn, nắng nóng	Nắng nóng kéo dài , nhiệt độ cao	Toàn xã	-Dịch tai xanh lợn 240 tấn thịt lợn bị tiêu hủy -Nhiều diện tích lúa bị nhiễm mặn khoảng 150ha	-Người dân chưa có kinh nghiệm trong phòng chống dịch bệnh tai xanh -Chưa có vắc xin phòng bệnh tai xanh -Ý thức người dân còn kém, nhiều hộ bán chạy lợn bị bệnh. - Hệ thống đóng mở của Cổng Bạch Đằng khó khăn(2-3h mới mở hoặc đóng xong)	- Chính quyền hỗ trợ dập dịch - Có sự hỗ trợ của nhà nước về giá đền bù thiệt hại -Tiêu độc khử trùng trên địa bàn toàn xã - Có đập Thảo long ngăn mặn giữ ngọt

BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ QUẢNG PHƯỚC

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
<p align="center">Lụt</p>	<p align="center">Ngày một nhiều hơn</p>	<p>An toàn cộng đồng Có 1.783 nhà ở vùng thường xuyên bị ngập (Mai Dương: 280, Lâm Lý: 167, Hà Đồ - Phước Lập 190, Thủ Lễ 2: 472, Thủ Lễ 3:328, Khuông Phò 346) trong đó: + có 20 nhà đơn sơ dễ bị sập, cuốn trôi, hư hại do lũ lụt tác động. (Mai Dương: 10, Lâm Lý: 3, Hà Đồ - Phước Lập 4, Thủ Lễ 2: 1, Thủ Lễ 3:0, Khuông Phò: 2) * Có 92 người (nam: 47 nữ: 45) ở các nhà đơn sơ trong vùng ngập sâu (Mai Dương: 46 , Lâm Lý: 14, Hà Đồ - Phước Lập 18, Thủ Lễ 2: 5, Thủ Lễ 3: 00, Khuông Phò: 9) + có 210 nhà chưa được kiên cố dễ bị hư hại (Mai Dương: 70, Lâm Lý: 4, Hà Đồ - Phước Lập 73, Thủ Lễ 2: 10, Thủ Lễ 3: 41, Khuông Phò 2) * Có 966 người (nam 493, nữ 473) ở các nhà chưa được kiên cố trong vùng ngập sâu (Mai Dương: 322, Lâm Lý: 18, Hà Đồ - Phước Lập 336, Thủ Lễ 2: 46, Thủ Lễ 3: 189, Khuông Phò: 9) - Có 275 hộ ở ven sông/ phá có nguy cơ cao (Mai Dương: 30, Lâm Lý: 20, Hà Đồ - Phước Lập: 45, Thủ Lễ 2: 65, Thủ Lễ 3:84, Khuông Phò: 40) * Có 1.265 người (nam 645, nữ 620) ở trong các nhà ven sông, ven phá (Mai Dương: 138 , Lâm Lý: 92, Hà Đồ - Phước Lập: 207, Thủ Lễ 2: 299, Thủ Lễ 3: 386, Khuông Phò: 184); Trong đó có 353 người là đối tượng dễ bị tổn thương.</p>	<p>An toàn cộng đồng Có 80 nhà ở vùng cao, không bị ngập nước trong đó có 37 nhà kiên cố, 32 nhà bán kiên cố có thể làm nơi sơ tán khi xảy ra lũ lụt (Khuông Phò) - Có 126 nhà cao tầng ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán trong cộng đồng.(Mai Dương: 13, Lâm Lý: 8, Hà Đồ - Phước Lập 7, Thủ Lễ 2:57, Thủ Lễ 3:31, Khuông Phò: 10) - BCH PCTT & TKCN xã thường xuyên được củng cố và nâng cao năng lực - Ở xã có lực lượng xung kích cứu hộ 15 người, mỗi thôn có 10 người. - Có 6 điểm trường học cao tầng và 22 điểm sơ tán lụt ở các thôn (Mai Dương: 12, Lâm Lý: 2, Hà Đồ - Phước Lập1, Thủ Lễ 2: 5, Thủ Lễ 3:0, Khuông Phò 2) - Có 95% hộ gia đình ở vùng đằm phá có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt(Mai Dương: 100%, Lâm Lý: 95%, Hà Đồ - Phước Lập 100%) - 7% hộ ở vùng ngập lụt có ghe thuyền (Thủ lễ 2: 5%, Thủ Lễ 3: 10%, Khuông Phò: 5%) - Có 5% hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà - Có 95% gia đình chủ động trong bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản</p>	<p align="center">Sập nhà</p> <p align="center">Tốc mái</p>

	<p>- Có 292 hộ, 1.343 người (nam 690, nữ 658) cần phải sơ tán khi có lụt (Mai Dương 36 hộ, 166 người , Lâm Lý 22 hộ , 101 người, Hà Đò - Phước Lập 48 hộ, 221 người; Thủ Lễ 2: 65 hộ, 299 người Thủ Lễ 3: 84 hộ 386 người, Khuông Phò 41 hộ , 189 người)</p> <p>- 30% (4,8 km) đường đi lại trong các thôn là đường đất khó đi (Mai Dương: 40%, Lâm Lý: 50%, Hà Đò - Phước Lập 20%, Thủ Lễ 2: 10%, Thủ Lễ 3:10%, Khuông Phò15%)</p> <p>- 93 % hộ ở vùng ngập lụt không có ghe thuyền (Thủ lễ 2: 95%, Thủ Lễ 3: 90%, Khuông Phò: 95%)</p> <p>- Có 90% số hộ không có phao, áo phao dự phòng trong gia đình khi có lụt (Mai Dương: 90%, Lâm Lý: 90%, Hà Đò - Phước Lập 90%, Thủ Lễ 2: 95% , Thủ Lễ 3: 95%, Khuông Phò 95%)</p> <p>Sản xuất kinh doanh</p> <p>- 124 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Mai Dương: 24 , Lâm Lý 30, Thủ Lễ 2: 25, Thủ Lễ 3: 20 , Khuông Phò: 25)</p> <p>- 3.9 ha đất trồng khoai/sắn ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Lâm Lý 3.9 ha)</p> <p>- 6 ha đất trồng đậu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Thủ Lễ2: 0.5, Thủ Lễ 3 0.5 , Khuông Phò: 3, Lâm Lý 2 ha)</p> <p>- 6.5 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Mai Dương: 0.5 , Lâm Lý 2 ha, Thủ Lễ 2: 0.5 , Thủ Lễ 3 0.5 , Khuông Phò: 3)</p> <p>- 10 km nương thủy lợi đắp bằng đất, dễ bị hư hại (Đông Phước : 7, Mai Phước 3)</p> <p>- Có 30 hộ chăn nuôi trâu bò (150 con) trong vùng thấp trũng được nuôi trong điều kiện không có chuồng trại nơi cao, khi nước lụt về đều bị ngập sâu. (Lâm Lý: 6 hộ, 16 con, Thủ Lễ</p>	<p>- Có 100% gia đình dự trữ lương thực</p> <p>70% đường sá trong các thôn đã được bê tông hóa (Mai Dương: 60%, Lâm Lý: 50%, Hà Đò - Phước Lập 80%, Thủ Lễ 2: 90%, Thủ Lễ 3:90%, Khuông Phò 85%)</p> <p>Sản xuất kinh doanh</p> <p>- Có 2.232 người tham gia trồng trọt (nam 1138, nữ 1094)</p> <p>- Có hệ thống đê nội đồng 16 km (Mai Dương: 3 , Lâm Lý : 4, Thủ Lễ 2: 3 , Thủ Lễ 3: 3, Khuôn Phò: 3)</p> <p>- Có 5 trạm bơm (Đông Phước 2 trạm bơm tưới, Mai Phước 3 trạm bơm tiêu)</p> <p>- Có 20 máy cày (Mai Dương: 4, Lâm Lý: 4 , Thủ Lễ 2: 5 , Thủ Lễ 3: 3 , Khuông Phò: 3, Hà Đò- Phước Lập:1)</p> <p>- Có 7 máy gặt,(Thủ Lễ 2: 2 , Thủ Lễ 3: 3 , Khuông Phò: 2)</p> <p>- Có 46 máy bơm nước.(Mai Dương: 4 , Lâm Lý: 5 , Thủ Lễ 2: 04 , Thủ Lễ 3 03 , Khuông Phò: 06, Hà Đò- Phước Lập: 25)</p> <p>- 100 % hộ có chuồng trại ở vùng cao, khi lụt đưa</p>	<p>Đường sá hư hỏng</p> <p>Lúa chết</p> <p>Hoa màu hư hại</p>
--	--	--	---

	<p>2: 10 hộ, 68 con, Thủ Lễ 3: 4 hộ, 16 con, Khuông Phò : 10 hộ 55 con)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 399 hộ nuôi lợn trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp (Mai Dương: 70 , Lâm Lý: 90 hộ , Hà Đồ - Phước Lập: 20 hộ , Thủ Lễ 2: 80 , Thủ Lễ 3: 70, Khuông Phò: 69) - Có 80 % hộ nuôi gà vịt đều thả rông không có chuồng trại kiên cố (Mai Dương: 80% , Lâm Lý 80% , Hà Đồ - Phước Lập: 80% , Thủ Lễ 2 50%, Thủ Lễ 3 50%, Khuông Phò 50%) - Có 6 hộ nuôi vịt đàn ở vùng thấp trung (Thủ Lễ 2: 1, Thủ Lễ 3: 3 , Khuông Phò: 2) - Có 385 hộ nuôi cá/tôm/cua ở vùng thường ngập sâu (Mai Dương: 165 , Lâm Lý: 62 , Hà Đồ - Phước Lập: 152 Thủ Lễ 2: 3, Thủ Lễ 3: 2, Khuông Phò: 1) - Có 852 thuyền đánh bắt cá trên sông/ đầm phá, trên sông có 1.714 người (nam: 943, nữ: 771) (Mai Dương: 450 , Lâm Lý: 200 , Hà Đồ - Phước Lập: 190 Thủ Lễ 2: 4 , Thủ Lễ 3 3 , Khuông Phò: 5) - Có 15% người dân (trong đó nữ chiếm 7%) chưa được trang bị kỹ thuật chăn nuôi (Mai Dương: 10% , Lâm Lý 10%, Hà Đồ - Phước Lập: 10% Thủ Lễ 2: 20% , Thủ Lễ 3 20%, Khuông Phò: 20%) - Có 16 hộ làm mộc ở vùng thường ngập sâu. (Mai Dương: 2 , Lâm Lý 3 , Hà Đồ - Phước Lập: 1 ; Thủ Lễ 2: 3, Thủ Lễ 3 4, Khuông Phò: 3) - Có 430.hộ làm nề ở vùng thường ngập sâu. (Mai Dương: 15 , Lâm Lý 30 , Hà Đồ - Phước Lập: 15 ;Thủ Lễ 2: 130, Thủ Lễ 3 120, Khuông Phò: 120) - Có 14 hộ làm cơ khí ở vùng thường ngập sâu. (Lâm Lý 1 , Hà Đồ - Phước Lập: 10 ;Thủ Lễ 2: 1 , Thủ Lễ 3 1 , 	<p>trâu/bò lên (Thủ Lễ 2, Thủ Lễ 3, Khuông Phò, Lâm Lý)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 240 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (Thủ Lễ 2: 30, Thủ Lễ 3 100 , Khuông Phò: 50) - Có 20% số hộ chăn nuôi gà nhốt chuồng. (Mai Dương: 22 , Lâm Lý 28 , Hà Đồ - Phước Lập: 30, Thủ Lễ 2: 40% , Thủ Lễ 3 50% , Khuông Phò: 50%) - Có 379 người nuôi cá (nam 193, nữ 186) (Mai Dương: 165 , Lâm Lý 62 , Hà Đồ - Phước Lập: 152 , Thủ Lễ 2: 3, Thủ Lễ 3 2, Khuông Phò: 2) - 840 người đánh bắt cá trên sông/ phá biết bơi (nam : 800, nữ : 40)(Mai Dương: 450, Lâm Lý 200, Hà Đồ - Phước Lập: 190) - Có 2 HTX sản xuất nông nghiệp (Đông Phước, Mai Phước) BQL HTX có năng lực để chỉ đạo sản xuất, xây dựng lịch thời vụ thích ứng với thiên tai, BĐKH. Có 35 % người dân có kiến thức và áp dụng KHKT về trồng trọt và chăn nuôi vào sản BDDK3 (trong đó nữ chiếm 10%) (Mai Dương: 9% , Lâm Lý 10% , Hà Đồ - Phước Lập: 11% ,Thủ Lễ 2: 35% , Thủ Lễ 3 30% , Khuông Phò: 35%) 	<p>Lợn chết</p> <p>Gà vịt chết</p> <p>Tôm/cua/ cá chết</p> <p>Thuyền hư hỏng</p>
--	--	--	--

	<p>Khuông Phò: 1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 15 .hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu (Mai Dương: 45 , Lâm Lý 15 , Hà Đò - Phước Lập: 60 , Thủ Lễ 2: 12 , Thủ Lễ 3 14 , Khuông Phò: 10) <p>Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 95% hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình(Mai Dương: 95%, Lâm Lý: 95%, Hà Đò - Phước Lập 95%, Thủ Lễ 2: 100%, Thủ Lễ 3: 100%, Khuông Phò 100%) . - Có 80% hộ không chuẩn bị dụng cụ chứa nước khi lũ lụt về nước máy không có (Mai Dương: 80%, Lâm Lý: 80%, Hà Đò - Phước Lập 81%, Thủ Lễ 2: 100%, Thủ Lễ 3: 100%, Khuông Phò 100%) - 16 hộ còn sử dụng hố xí tạm dễ bị ngập gây ô nhiễm môi trường(Lâm Lý: 6, Thủ Lễ 2: 2, Thủ Lễ 3:2, Khuông Phò : 6). - 22 hộ chưa có hố xí (Mai Dương: 12, Lâm Lý: 5, Hà Đò- Phước Lập: 5). 	<p>Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế xã có nhà 02 tầng kiên cố, với đầy đủ các phòng chức năng của trạm y tế xã và được công nhận trạm đạt chuẩn Quốc gia. Mạng lưới y tế thôn có 6 người. - Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 100%. (Mai Dương: 100%, Lâm Lý: 100%, Hà Đò - Phước Lập 100%, Thủ Lễ 2: 100%, Thủ Lễ 3:100%, Khuông Phò 100%) - Có 1.568 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh (Mai Dương: 220, Lâm Lý: 152, Hà Đò - Phước Lập 185, Thủ Lễ 2: 320, Thủ Lễ 3: 326, Khuông Phò 365) - Có 6 đội thu gom rác của 6 thôn - Toàn cụm thôn tham gia dọn dẹp môi trường sau thiên tai 	
	<p>An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường Mầm non có 8 phòng học, trường Tiểu học có 4 phòng học bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp - 6 nhà văn hóa thôn là nhà bán kiên cố xây dựng đã lâu, xuống cấp - 100% số hộ bị ảnh hưởng trực tiếp của bão - Nhà bán kiên cố: 1. 072 nhà(Mai Dương: 160, Lâm Lý: 	<p>An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 Trường (Mầm non, Tiểu học số 1, Tiểu học số 2, THCS) có 6 điểm trường có các dãy phòng học kiên cố - Nhà Văn hóa xã được xây dựng kiên cố, khang trang. - Có 28 điểm kiên cố có thể làm nơi sơ tán tập 	

<p style="text-align: center;">Bão</p>	<p>Có nhiều cơn bão hơn, tuy nhiên ít tác động vào đất liền</p>	<p>114 , Hà Đồ - Phước Lập 81, Thủ Lễ 2: 286, Thủ Lễ 3: 258, Khuông Phò 173)</p> <p>+ Số người ở trong nhà Bán kiên cố là 4.931 người (nam 2.415, nữ 2,416) (Mai Dương: 736, Lâm Lý: 524, Hà Đồ - Phước Lập: 373, Thủ Lễ 2: 1.316, Thủ Lễ 3: 1187, Khuông Phò: 796)</p> <p>- 210 nhà chưa được kiên cố dễ bị hư hại (Mai Dương: 70, Lâm Lý: 4, Hà Đồ - Phước Lập 73, Thủ Lễ 2: 10, Thủ Lễ 3: 41, Khuông Phò 2)</p> <p>+ Có 966 người (nam 493, nữ 473) ở trong các nhà chưa được kiên cố (Mai Dương: 322, Lâm Lý: 18, Hà Đồ - Phước Lập 336, Thủ Lễ 2: 46, Thủ Lễ 3: 189, Khuông Phò: 9)</p> <p>- 20 nhà đơn sơ dễ bị sập, cuốn trôi, hư hại do lũ lụt tác động. (Mai Dương: 10, Lâm Lý: 3, Hà Đồ - Phước Lập 4, Thủ Lễ 2: 1, Thủ Lễ 3:0, Khuông Phò: 2)</p> <p>+ Có 92 người (nam: 47 nữ: 45) ở trong các nhà đơn sơ (Mai Dương: 46 , Lâm Lý: 14, Hà Đồ - Phước Lập 18, Thủ Lễ 2: 5, Thủ Lễ 3: 00, Khuông Phò: 9)</p> <p>- 45% người dân (nam 30% , nữ 70 %) chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, Do nữ bận việc nhà, buôn bán ít có thời gian để nghe thông tin về thiên tai. (Mai Dương: 5%, Lâm Lý: 5%, Hà Đồ - Phước Lập 5%, Thủ Lễ 2: 80%, Thủ Lễ 3 85%, Khuông Phò 80%)</p> <p>- Có 403 hộ, 1.854 người(nam 946, nữ 908) cần phải sơ tán bão cấp mạnh (Mai Dương: 97 hộ, 446 người , Lâm Lý: 18 hộ 83 người, Hà Đồ - Phước Lập.100 hộ 460 người , Thủ Lễ 2: 53 hộ 244 người Thủ Lễ 3: 99 hộ 455 người, Khuông Phò: 36 hộ, 166 người)</p> <p>- Có 1.302 hộ, 5.989 người(nam 3054, nữ 2.935) cần phải sơ tán bão cấp 12 trở lên và siêu bão (Mai Dương: 240 hộ, 1104 người, Lâm Lý:121 hộ 557 người, Hà Đồ - Phước Lập</p>	<p>trung(Mai Dương: 13, Lâm Lý: 3, Hà Đồ - Phước Lập 4, Thủ Lễ 2: 5 Thủ Lễ 3: 1, Khuông Phò 2)</p> <p>- Hệ thống điện phủ khắp các thôn, xóm, gồm 7 trạm biến áp ở 6 thôn, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.</p> <p>- Có 70% đường đi lại trong các thôn là đường bê tông(Mai Dương: 70%, Lâm Lý: 70%, Hà Đồ - Phước Lập 70%, Thủ Lễ 2: 100%, Thủ Lễ 3: 100%, Khuông Phò 95%)</p> <p>- Có 484 nhà kiên cố ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán khi có bão trong cộng đồng(Mai Dương: 40, Lâm Lý: 46, Hà Đồ - Phước Lập 32, Thủ Lễ 2: 175, Thủ Lễ 3: 29, Khuông Phò 162)</p> <p>- 95% hộ có các phương tiện nghe nhìn để theo dõi các thông tin cảnh báo bão, lũ (Mai Dương: 95%, Lâm Lý: 95%, Hà Đồ - Phước Lập 95%, Thủ Lễ 2: 90%, Thủ Lễ 3: 92%, Khuông Phò 90%)</p> <p>- Có 95% hộ gia đình có xe máy (Mai Dương: 95%, Lâm Lý: 95%, Hà Đồ - Phước Lập 95%, Thủ Lễ 2: 95%, Thủ Lễ 3: 95% Khuông Phò 95%)</p> <p>- Do ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai nên ý thức chủ động phòng chống thiên tai của người dân tương đối cao : 95% (Mai Dương: 95%, Lâm Lý: 95%, Hà Đồ - Phước Lập 95%, Thủ Lễ 2: 90%, Thủ Lễ 3: 90%, Khuông Phò 90%)</p> <p>- Có 90%người dân có ý thức việc chằng chống nhà cửa (Mai Dương: 95%, Lâm Lý: 95%, Hà Đồ - Phước Lập 95%, Thủ Lễ 2: 80%, Thủ Lễ 3: 80%, Khuông Phò 80%)</p> <p>- 97 % hộ gia đình đã có dự trữ lương thực, thực</p>
---	---	--	---

	<p>158 hộ 727 người, Thủ Lễ 2: 297 hộ 1.366 người, Thủ Lễ 3: 299 hộ 1.375 người, Khuông Phò: 187 hộ 860 người)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5% hộ còn khó khăn chưa dự trữ lương thực, thực phẩm trong mùa bão, lụt (Thủ Lễ 2: 5%, Thủ Lễ 3: 5%, Khuông Phò 5%) , - Có 10% hộ còn chủ quan không chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão (Mai Dương: 5%, Lâm Lý: 5%, Hà Đồ - Phước Lập 5%, Thủ Lễ 2: 20%, Thủ Lễ 3: 20%, Khuông Phò 20%) - Có 5% hộ chưa có các phương tiện nghe, nhìn để nhận biết các thông tin cảnh báo(Mai Dương: 5%, Lâm Lý: 5%, Hà Đồ - Phước Lập 5%, Thủ Lễ 2: 5%, Thủ Lễ 3: 5%, Khuông Phò 5%) <p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 16 hộ làm mộc ở vùng thường bị tác động của bão (Mai Dương: 2 , Lâm Lý 3 , Hà Đồ - Phước Lập 1 ,Thủ Lễ 2: 3 , Thủ Lễ 3 4 , Khuông Phò: 3) - Có 430 hộ làm nề ở vùng chịu ảnh hưởng do bão. (Mai Dương: 15 , Lâm Lý 30 , Hà Đồ - Phước Lập: 15 ,Thủ Lễ 2: 130 , Thủ Lễ 3 120 , Khuông Phò: 120) - Có 14 hộ làm cơ khí ở vùng chịu ảnh hưởng của bão. (Lâm Lý 1 , Hà Đồ - Phước Lập: 10 ,Thủ Lễ 2: 1 , Thủ Lễ 3: 1 , Khuông Phò: 1) <p>Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 hộ còn sử dụng hố xí tạm dễ bị hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường(Lâm Lý: 6, Thủ Lễ 2: 2, Thủ Lễ 3:2, Khuông Phò : 6). 	<p>phẩm trong mùa mưa bão.</p> <p>(Mai Dương: 100%, Lâm Lý: 100%, Hà Đồ - Phước Lập 100%,Thủ Lễ 2: 95%, Thủ Lễ 3:95%, Khuông Phò 95%)</p> <p>Sản xuất kinh doanh</p> <p>Có 3 hộ có cơ sở sản xuất kiên cố (Thủ Lễ 2: 2, Khuông Phò: 1)</p> <p>Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 6 đội thu gom rác ở 6 thôn - Các thôn tham gia dọn dẹp môi trường sau bão 	
--	--	--	--

Hạn	Ngày một nhiều hơn	Sản xuất kinh doanh Có 20% hộ thiếu các dụng cụ chứa nước khi bị mất nước máy (Mai Dương: 20%, Lâm Lý: 20%, Hà Đồ - Phước Lập 20%)	Sản xuất kinh doanh - Có 2 trạm bơm tưới (HTX Đông Phước) - Có 46 máy bơm nước.(Mai Dương: 4 , Lâm Lý: 5 , Thủ Lễ 2: 04 , Thủ Lễ 3 03 , Khuông Phò: 06, Hà Đồ- Phước Lập: 25) Có 16 km kênh mương thủy lợi 100%.hộ chủ động dự trữ nước	
Nhiễm mặn	Ngày một nhiều hơn	Sản xuất kinh doanh Có 43 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị nhiễm mặn (HTX Mai Phước)	Sản xuất kinh doanh Có 4km đê bao ngăn xâm nhập mặn (Mai Dương: 3 km, Hà Đồ-Phước Lập: 1km)	Lúa chết
Rét đậm, rét hại	Rét đậm rét hại kéo dài	Sản xuất kinh doanh 100% diện tích trồng lúa, hoa màu chịu ảnh hưởng của rét đậm rét hại		

TỔNG HỢP XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI

Cụm 1 Nam 11 nữ 10 (Thủ lễ 2 : Nam 4 nữ 3, Thủ lễ 3: nam 5 nữ 2, Khuông Phò: Nam 2 nữ 4)

Cụm 2: Nam 13 nữ 10 (Lâm Lý 7 nam 3 nữ; Mai Dương 2 nam 5 nữ, Hà Đồ Phước Lập 3 nam 2 nữ)

Rủi ro	Cụm 1				Cụm 2				Tổng	Ưu tiên
	Nam	Nữ	Tổng	Ưu tiên	Nam	Nữ	Tổng điểm	Ưu tiên		
Nhà sập	39	46	85	6	29	22	51	10	136	9
Lúa chết	86	72	158	1	108	81	189	2	347	1
Nhà tốc mái	83	60	143	3	62	54	116	7	259	4
Hoa màu chết	72	75	147	2	60	35	95	8	242	5
Heo trôi/chết	60	63	123	5	97	65	162	3	285	2
Gà vịt trôi/chết	75	50	125	4	83	53	136	4	261	3
Người chết/bị thương	30	35	65	8	52	25	77	9	142	8
Đường sá hư hỏng	36	37	73	7	70	51	121	6	194	7
Tôm, cua, cá chết	14	12	26	9	102	92	194	1	220	6
Thuyền ghe hỏng					68	62	130	5	130	10





